

# ĐẠI PHƯƠNG QUÁNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SƯU HUYỀN PHÂN TÊ THÔNG TRÍ PHƯƠNG QUỶ

## QUYỂN 2 (Phần 2)

### *Phẩm 18: BỒ TÁT THẬP VÔ TẬN TẠNG*

Bốn môn giống như trước.

1) Giải thích tên gọi. Bồ-tát là người, Thập là số căn bản, Vô Tận là phạm vi, Tạng là tích chứa. Bởi vì Thể không phải là phạm vi của số đếm, Hạnh không có cùng tận, mà sinh diệt vốn không thay đổi, cho nên nói là Vô Tận; một thân nhiếp tất cả, hàm chứa tất cả không có gì ngoài, cho nên nói là Tạng. Còn lại có thể dựa theo biết rõ.

2) Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Bởi vì phần vị chính thức của phần mình đã thành tựu, tiếp đến trình bày về thắng tiến đi vào phần vị sau cho nên đưa ra. Sở dĩ trước đây hỏi ở sau Hồi Hướng, nay trả lời ở trước là bởi vì muốn hiển bày về hạnh nối thông, cũng có thể Hồi Hướng là phương tiện trợ giúp, Tạng vốn từ nguồn gốc của hạnh cho nên thuộc về đầu tiên.

3) Phẩm này lấy các nghĩa về tích chứa công đức, năng sở vô cùng sâu xa làm Tông.

4) Phân rõ văn. Văn này có ba: Một, nêu ra số để dẫn chứng, sơ lược ca ngợi nêu ra tên gọi; hai, từ “Hà đẳng vi Bồ-tát...” trở xuống là phân rõ về tướng; ba, từ “Thử Tạng hữu thập...” trở xuống là kết luận.

**Văn phần một có hai có thể biết.** Mười tên gọi:

1. Tín tức là đầu tiên của Thập Địa, và giữ gìn thư từ (thư trì) trong Nhiếp Luận.

2. Giới tức là Từ Bi trong Địa, và thứ sáu là dạy người khác đạt được trong Luận.

3, 4. Tàm và Quý tức là Hạnh trong Địa, và thứ chín là một mình



ở nơi trống trải vắng lặng trong Luận.

5. Văn tức là biết các kinh luận trong Địa, và thứ tư là cung kính nghe nhận trong Luận.

6. Thí tức là tên gọi về Xả trong Địa, và tên gọi về Bố thí trong Luận.

7. Tuệ tức là thứ mười Tu tập như pháp trong Địa, tức là thứ mười Tu tướng nhập ý trong Luận.

8. Chánh niệm tức là không mệt mỏi trong Địa, và tự đọc tụng trong Luận.

9. Trì tức là lực kiên cố trong Địa, tức thứ bảy là như pháp đã nói nhất tâm luyên tập trong Luận.

10. Biện tức thứ sáu là khéo léo hiểu rõ pháp thế gian-tức là bốn biện tài trong Địa, tức là thứ tám như lý giải thích rộng ra cho người khác trong Luận.

Địa Luận và Nhiếp Luận đều có phần cúng dường, trong này vì sao không có? Bởi vì trong này phân Tàm-Quý làm hai, cũng có thể là Tạng trong này cùng với Luận ấy luôn luôn khác biệt về nghĩa.

**Phần hai là văn mở rộng phân rõ có hai:** Một, giải thích về tướng; hai, từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận ca ngợi về dụng của hành có thể thành tựu Đại quả.

Văn phần đầu về Tín Tạng có bốn:

1. Nêu ra tên gọi,
2. Phân rõ về tướng,
3. Kết luận,
4. Trở lại ca ngợi về dụng của hạnh.

- *Phân rõ về tướng* có ba: Một là Tự tánh trú trong Phật tánh; hai từ “Phật như thị tri...” trở xuống là dựa theo tánh đến đạt được quả; ba từ “Thử Bồ-tát thành tựu như thị...” trở xuống là dựa theo tánh dẫn ra. Văn phần một về Tự tánh có ba: Một, tiến vào lý; hai, phân rõ về Tín kiên cố; ba, từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là quyết định về nghi ngờ. Văn phần hai là dựa theo tánh đến đạt được quả có hai: Một, phân rõ về cảnh của Tín; hai, từ “Bồ-tát thành tựu...” trở xuống trình bày về tin hiểu thành tướng. Văn phần ba là dựa theo tánh dẫn ra có ba: Một, nhắc lại trước đây; hai, từ “Bất thối...” trở xuống tức là trình bày về phạm vi cảnh giới của Tín; ba, từ “Hộ trì...” trở xuống phân rõ về Tín hạnh thành tựu.

Giới Tạng có ba:

1. Nêu ra tên gọi.
2. Giải thích riêng biệt.

3. Từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận.

Về sau các văn có ba đoạn, dựa theo đây có thể biết.

*Văn giải thích riêng biệt có ba:* Một, nhắc lại mười tên gọi; hai, từ “Hà đẳng...” trở xuống là phân rõ về tướng; ba, từ “Thử Bồ-tát trì như thị đẳng...” trở xuống là công dụng của Đại Bi lợi ích cho chúng sinh. Trong đó Giới không tranh cãi không thể không phải là chế định trước, không trải qua tạo lập là tùy thuận thật tế, Thể không phải là Tập khởi. Tâm thường tùy thuận hướng đến Niết-bàn, là tất cả các sự việc tức là tướng Niết-bàn không còn trải qua diệt.

Văn về Tâm có ba giống như trước. Thứ hai trong phân rõ về tướng có bốn: Một, biết lỗi của mình; hai, từ “Nhất thiết...” trở xuống là biết chúng sinh có lỗi lầm; ba, từ “Tự duy...” trở xuống là sự thấy biết của Thánh Hiền; bốn, Từ “Thị cố...” trở xuống là lìa xa lỗi lầm biểu hiện về tâm Tâm.

Văn về Quý có ba giống như trước. Thứ hai trong phân rõ về tướng có bốn: Một, biết lỗi của mình; hai, từ “Phục tác...” trở xuống là biết chúng sinh có lỗi lầm; ba, sự thấy biết của Thánh Hiền; bốn, từ “Ngã đương...” trở xuống là lìa xa lỗi lầm biểu hiện về tâm Quý.

Đa văn. Thứ hai trong phân rõ về tướng có ba: Một, nêu ra mười loại sự việc đã nghe; hai, phân rõ về mười tướng; ba, từ “Bồ-tát tác như thị niệm...” trở xuống là Lợi tha. Mười hai nhân duyên là Vô vi, thì một Luận sư thuộc Bà-sa luận nói: “Hữu vi không tự lập mà nhờ vào Vô vi.” Văn trong này có sáu Vô vi, nhưng giải thích:

- 1) Không là dựa theo tướng của Sự mà phân rõ;
- 2) Niết-bàn là dựa theo phần vị mà luận;
- 3) Số diệt là dựa theo Tánh phân tán;
- 4) Phi số diệt là dựa vào Sự phân tán;
- 5) Duyên sinh là dựa theo Lý thuận theo Sự;
- 6) Lý pháp giới không đối với Sự.

Đối với tình tức là nguyên cơ của hữu vi, và ý còn lại suy nghĩ có thể hiểu. Những nghĩa này đều là tự Thể của duyên khởi, đan xen mà không lẫn tạp, không thể nào dùng tướng của Sự mà luận bàn. Đây là giáo tướng của Đại thừa. Nếu luận về phương tiện hiểu biết tiến vào, thì tất cả giáo tướng cần phải so sánh chọn lấy trong giải thích. Nếu luận về hiểu biết chính xác, thì phải là giải thích về giáo bí mật, mới có thể hiển bày tướng nghĩa của Đại thừa. Rất cần phải đạt được ý, đừng mê hoặc vì âm thanh ấy, Vô ký có sáu mươi.

Thí. Thứ hai phân rõ về tướng: Nói đến Thí là lấy sự lợi ích của

bố thí cứu giúp làm nghĩa, vì vậy vẫn nói cho đến tự thọ nhận đồ vật sử dụng không có gì không phải là Thí. Nếu ngay trong sự tướng để trình bày, thì như văn đã nêu ra. Nếu dựa vào giải thích rõ ràng để trình bày, thì chỉ khiến cho hiểu xa đến cùng tận Tông chỉ, đừng hỏi về ý tưởng sâu xa mà cho là Chánh trí. Một khi mở thông tâm tình rồi cho đến ba nghiệp khởi động tiến vào tùy duyên mà thực hiện, không có gì không tùy thuận như thật tương ứng với Vô Tận Tạng, do đó có thể kiến lập chủng tử căn bản của Vô thượng Bồ-đề. Văn có hai: Một, nêu ra tên gọi; hai, mở rộng phân rõ. Trong pháp Thí trước đây có ba loại pháp Thí, dựa theo có thể biết. Văn còn lại hiển bày lẫn nhau có thể biết.

Tuệ. Thứ hai trong phân rõ về tướng có năm: Một, bảy câu đầu là cảnh đã biết, bốn câu trước mỗi câu đều có hai nghĩa: Thứ nhất-Sắc Khổ là Sắc của Báo, hai-Sắc Tập là Sắc của Nghiệp, ba-Sắc Diệt là Sắc của tánh phân biệt, bốn-Sắc Đạo là Sắc của đạo và thiện; thứ hai-Sắc Khổ là Sắc vô thường, hai-Sắc Tập là đời sau, ba-Sắc Diệt tức là Chân như, bốn-Sắc Đạo là đồ dùng để thành đạo, còn lại dựa theo đó. Thanh văn và Bồ-tát... thì một là biết về con người; hai là biết về quy phạm của pháp; ba là biết về nhân của Đạo, bởi vì nhiều phiền não huân tập cho nên được tên gọi là Tập; bốn là biết về quả của Diệt. Thế tướng nói như sau. Hai, từ “Vấn hà tri...” trở xuống phân rõ về các pháp quán gia hạnh, tức là Tự lợi có hai văn hỏi-đáp, trong đáp có sáu câu có thể biết. Ba, từ “Quảng vi thuyết...” trở xuống là Lợi tha có năm câu:

- 1) Tổng quát.
- 2) Hỏi đáp trình bày về phạm vi của nghĩa.
- 3) Hỏi đáp hiển bày về nghi thức tuyên thuyết.
- 4) Văn hỏi.
- 5) Đáp về nguyên nhân có bốn câu mà thôi.

Bốn, từ “Bồ-tát thành tựu...” trở xuống phân rõ về hạnh Tự lợi-lợi tha thành tựu tướng, có hai có thể biết. Năm, từ “Thử trí tuệ Tạng hữu thập chủng...” trở xuống phân rõ về Tuệ thâm nhiếp Vô tận, có bốn có thể biết.

Niệm Tạng. Thứ hai văn phân rõ về tướng có ba: Một, phân rõ về pháp thanh tịnh đã nghĩ nhớ, nói Niệm Phật là tùy thuận giác ngộ chân thật; nói Thọ ký là quy phạm kỳ diệu của sự giác ngộ chân thật hiển bày lòng dạ này; nói Niệm trì Tu-đa-la là tướng giác ngộ trọn vẹn đầy đủ như nhau rõ ràng ở bên ngoài, bởi vì lúc đầy đủ quy phạm kỳ diệu thì lấy làm phép tắc cho thế gian. Hai, từ “Bồ-tát tác như thị niệm...” trở xuống phân rõ về Thể của Thập Niệm. Ba, từ “Thử Bồ-tát trú thị...” trở

xuống trình bày về Niệm mạnh mẽ bền vững. Nói đến Diệu là kỳ diệu hơn người khác. Tịnh niệm là ghi nhớ rõ ràng. Bất trước là không lẫn tạp tối tăm chướng ngại. Biến tịnh niệm là đối với pháp đều sáng tỏ. Ly trần niệm là đối với sự việc đã nghĩ nhớ không sinh tham nhiễm. Ly chướng chướng trần niệm là không sinh kết buộc gì khác. Ly cấu niệm là không chấp vào năng lực của mình. Quang diệu niệm là chiếu soi rộng rãi khắp nơi. Nói về Lạc niệm là vui với tu tập không thôi. Vô chướng ngại là gọi ý liền biết, không cần phải suy nghĩ...

*Văn về Trì có bốn:* Một, hỏi; hai, phân rõ về tướng; ba, kết luận; bốn, ca ngợi đức. Văn phân rõ về tướng có ba:

- 1) Phân rõ về người Trì,
- 2) Phật là trình bày về điều đã nghe thuận theo nơi chốn,
- 3) Từ “Văn trì nhất phẩm...” trở xuống phân rõ về pháp đã nghe.

Biện. Thứ hai phân rõ về tướng có bốn: Một, nhắc lại; hai, phân rõ; ba, kết luận; bốn, ca ngợi về đức. Thứ hai là văn mở rộng phân rõ có năm:

- 1) Trình bày về Hậu trí phân rõ về Thế.
- 2) Từ “Quảng vi...” trở xuống trình bày về công năng của Biện.
- 3) Từ “Hà cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu.
- 4) Từ “Thành tựu thử Tạng cố...” trở xuống mở rộng trình bày về sự việc thành tựu do đức của Biện.

5) Từ “Thử Bồ-tát thành tựu bách vạn...” trở xuống là sự thành tựu do tác dụng của Biện vô tận. Văn này có hai: Một là giải thích, hai là hỏi đáp trừ hết nghi ngờ. Từ “Phật tử thị vi...” trở xuống là phần thứ hai kết luận về tác dụng của đức có thể thành tựu Đại quả Vô tận; tiếp theo từ “Thử Tạng hữu thập loại...” trở xuống là phần thứ ba kết luận ca ngợi Biện Tạng sâu sắc phát sinh công đức vô tận, có bốn có thể biết.

-----